

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25311MH110423305

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Phạm Văn Dũng

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 24/07/2026

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006			7,0	Bài, không	C26TM1	
2	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006			6,5	Sai, nam	C26TM2	
3	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006			8,5	Đạt, nam	C26TM2	
4	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	11/05/2006			6,5	Sai, nam	C26TM1	
5	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	17/07/2006			15,0	Nam, không	C26TM1	
6	2410160010	Phạm Thị Lệ Hoa	18/03/2006			5,0	Nam, không	C26TM1	
7	2410160011	Phạm Văn Hoàng	17/05/2000			6,5	Sai, nam	C26TM1	
8	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005			8,0	Đạt, không	C26TM2	
9	2410160012	Nguyễn Minh Huy	07/09/2006			5,0	Nam, không	C26TM1	
10	2410160004	Phạm Nhật Huy	10/7/2004			9,0	Chức, không	C26TM1	
11	2410160022	Lê Ngọc Huỳnh	30/01/2006			8,0	Đạt, không	C26TM1	
12	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003			6,0	Sai, không	C26TM2	
13	2410160016	Đào Thị Ngọc Loan	28/12/2006			8,0	Đạt, không	C26TM1	
14	2410160019	Dương Hiếu Ly	04/04/2000			7,0	Bài, không	C26TM1	
15	2410160015	Phạm Trần Thảo My	16/02/2006			7,0	Bài, không	C26TM1	
16	2410160002	Nguyễn Gia Ái Nghi	20/02/2006			8,0	Đạt, không	C26TM1	
17	2410160020	Đào Thị Hồng Ngọc	23/08/2006			5,0	Nam, không	C26TM1	
18	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006			6,0	Sai, không	C26TM2	
19	2410160003	Tổng Đức Phát	25/11/2002			5,5	Nam, nam	C26TM1	
20	2410160001	Trần Lâm Phát	11/11/2005			6,0	Sai, không	C26TM1	
21	2410160005	Trần Huỳnh Phong	26/10/2005			5,0	Nam, không	C26TM1	
22	2410160008	Huỳnh Thị Thoại Quyên	30/11/2006			7,5	Bài, nam	C26TM1	
23	2410160023	Nguyễn Như Quỳnh	11/11/2006			6,0	Sai, không	C26TM1	
24	2410100014	Nguyễn Lê Băng Tâm	20/04/2006			6,0	Sai, không	C26TM1	
25	2410160007	Lâm Trung Thành	10/07/1994			8,5	Đạt, nam	C26TM1	
26	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006			7,0	Bài, không	C26TM2	
27	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm Thi	06/11/2006			8,5	Đạt, nam	C26TM1	
28	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006			4,5	Bài, nam	C26TM2	
29	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006			6,5	Sai, nam	C26TM2	
30	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006			6,5	Sai, nam	C26TM2	
31	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006			5,5	Nam, nam	C26TM2	
32	2410160014	Trương Thảo Vy	26/04/2006			6,0	Sai, không	C26TM1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2410160025	Nguyễn Trần Hải Yên	25/02/2006			4.0	Bỏ, không	C26TM1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 33 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 10 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa

Ngày 29 tháng 7 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



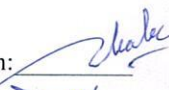
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

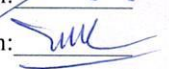
Giám thị 1: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25311MH110423305

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Trần Thị Tuyền

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 24/07/2026

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006			4,5	Bớt, nam	C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006			6,0	Sai, không	C26LG2	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006			5,0	Nam, không	C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006			5,5	Nam, nam	C26LG1	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006			6,0	Sai, không	C26LG1	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004			9,5	Chín, nam	C26LG1	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005			6,5	Sai, nam	C26LG1	
8	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006			4,5	Bớt, nam	C26LG2	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006			7,0	Bại, không	C26LG1	
10	2410150034	Hiền Thị Ngọc Khánh	10/09/2006			4,5	Bớt, nam	C26LG2	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006			5,0	Nam, không	C26LG1	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006			6,0	Sai, không	C26LG1	
13	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006			5,5	Nam, nam	C26LG2	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006			6,0	Sai, không	C26LG1	
15	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005			5,0	Nam, không	C26LG1	
16	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006			4,0	Bớt, không	C26LG2	
17	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006			5,0	Nam, không	C26LG1	
18	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006			5,0	Nam, không	C26LG1	
19	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006			5,0	Nam, không	C26LG1	
20	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006			7,0	Bại, không	C26LG2	
21	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006			4,5	Bớt, nam	C26LG1	
22	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003			9,0	Chín, không	C26LG1	
23	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005			7,0	Bại, không	C26LG2	
24	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006			5,5	Nam, nam	C26LG2	
25	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005			7,0	Bại, không	C26LG1	
26	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003			4,5	Bớt, nam	C26LG1	
27	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006			5,0	Nam, không	C26LG1	
28	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006			6,0	Sai, không	C26LG1	
29	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004			8,0	Tám, không	C26LG2	
30	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006			5,0	Nam, không	C26LG2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
31	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006			70	Bảy, không	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 31 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 31 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 30 tháng 7 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 29 tháng 7 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 25311MH110423305 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: 30/5/2026 Giờ thi: 14g15 Phòng thi: PM2

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		7,5	Bảy phẩy năm	
2	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng	18/02/2003	C26LG2		7,5	Bảy phẩy năm	
3	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		8,0	Tám chẵn	
4	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		7,5	Bảy phẩy năm	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc	10/09/2006	C26LG2		8,0	Tám chẵn	
6	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		7,0	Bảy chẵn	
7	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		8,0	Tám chẵn	
8	2410150045	Nguyễn Phan Minh	30/08/2006	C26LG2		7,5	Bảy phẩy năm	
9	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
10	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		7,5	Bảy phẩy năm	
11	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		6,5	Sáu phẩy năm	
12	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		8,5	Tám phẩy năm	
13	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		8,0	Tám chẵn	
14	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		8,0	Tám chẵn	
15	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		7,5	Bảy phẩy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ Số bài thi: _____ / _____.

Ngày 01 tháng 6 năm 2026

f. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

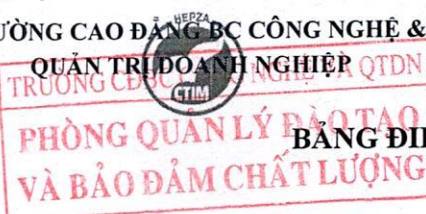
Trần Thị Hoa

Ngày 30 tháng 5 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 25311MH110423305 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: 28/4/2026 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		8,0	Chấm chẵn	
2	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng	18/02/2003	C26LG2		10	Mười chẵn	
3	2410150031	Thị Cẩm	04/11/2006	C26LG2		5,0	Năm chẵn	
4	2410100011	Phan Văn	21/10/2005	C26LG2		6,5	Sáu phẩy năm	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc	10/09/2006	C26LG2		9,0	Chín chẵn	
6	2410150038	Nguyễn Thành	06/03/2006	C26LG2		7,0	Bảy chẵn	
7	2410150036	Võ Thị Như	10/06/2006	C26LG2		6,5	Sáu phẩy năm	
8	2410150045	Nguyễn Phan Minh	30/08/2006	C26LG2		8,0	Chấm chẵn	
9	2410150055	Nguyễn Trần Minh	05/06/2005	C26LG2				
10	2410150032	Danh Thị Hồng	24/07/2006	C26LG2		5,0	Năm chẵn	
11	2410150047	Đặng Thị Mỹ	22/05/2005	C26LG2		6,5	Sáu phẩy năm	
12	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh	25/12/2006	C26LG2		6,0	Sáu chẵn	
13	2410170040	Nguyễn Khánh	18/12/2004	C26LG2		7,0	Bảy chẵn	
14	2410160018	Nguyễn Thị Kiều	20/08/2006	C26LG2		6,0	Sáu chẵn	
15	2410150033	Lê Nguyễn Như	17/02/2006	C26LG2		10	Mười chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 14 vắng thi: 07 Số bài thi: 14 / 15

Ngày: 5 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa

Ngày: 04 tháng 5 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 25311MH110423305 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: 22/5/2026 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: PT14

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	C26TM2	B	7,4	Bảy, tư	
2	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006	C26TM2	D	8,4	Ba, tư	
3	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	C26TM2	H Hoàng	5,6	Năm, sáu	
4	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004	C26TM2	H	7,6	Bảy, sáu	
5	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005	C26TM2	H	7,1	Bảy, một	
6	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004	C26TM2	K Khoa	6,4	Sáu, tư	
7	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003	C26TM2	L	6,6	Sáu, sáu	
8	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	C26TM2	N	7,9	Bảy, chín	
9	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	C26TM2	T	7,2	Bảy, hai	
10	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006	C26TM2	T	7,4	Bảy, tư	
11	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	C26TM2	T	6,8	Sáu, tám	
12	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	C26TM2	T	5,6	Năm, sáu	
13	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	C26TM2	T	7,3	Bảy, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 0 Số bài thi: 13 / 13

Ngày: 29 tháng 5 năm 2026

P- TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 28 tháng 5 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 25311MH110423305 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: 28/4/2026 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160053	Trần Gia Bảo	03/01/2006	C26TM2		7,0	Bảy chẵn	
2	2410160029	Dương Tiến Đạt	27/04/2006	C26TM2		7,0	Bảy chẵn	
3	2410160044	Nguyễn Huy Hoàng	15/12/2005	C26TM2		6,0	Sáu chẵn	
4	2410160050	Nguyễn Thị Lệ Hồng	22/11/2004	C26TM2		7,0	Bảy chẵn	
5	2410160032	Đỗ Nhật Huy	06/04/2005	C26TM2		8,5	Chín, năm	
6	2410160038	Nguyễn Lê Đăng Khoa	15/07/2004	C26TM2		9,0	Chín chẵn	
7	2410160052	Nguyễn Thành Lâm	25/08/2003	C26TM2		7,5	Bảy, năm	
8	2410160036	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	03/12/2006	C26TM2		8,0	Tám chẵn	
9	2410160031	Huỳnh Thị Thanh Thảo	16/06/2006	C26TM2		9,0	Chín chẵn	
10	2410160034	Nguyễn Hoàng Thông	01/02/2006	C26TM2		8,0	Tám chẵn	
11	2410160030	Lê Anh Thư	19/08/2006	C26TM2		9,0	Chín chẵn	
12	2410160033	Trần Thị Cẩm Thy	01/06/2006	C26TM2		9,0	Chín chẵn	
13	2410160046	Hồ Nguyễn Kiều Trinh	13/11/2006	C26TM2		8,0	Tám chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 0 Số bài thi: 13 / 13

Ngày: 5 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 04 tháng 5 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 25311MH110423305 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: 22/15/2026 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: PM4

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1		8,5	Đảm, nam	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	11/05/2006	C26TM1		8,0	Đảm, chẵn	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	17/07/2006	C26TM1		5,6	Nam, sáu	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	18/03/2006	C26TM1		7,4	Bảy, tư	
5	2410160011	Phạm Văn	17/05/2000	C26TM1		7,4	Bảy, tư	
6	2410160012	Nguyễn Minh	07/09/2006	C26TM1		7,1	Bảy, một	
7	2410160004	Phan Nhật	10/7/2004	C26TM1		8,7	Đảm, bảy	
8	2410160022	Lê Ngọc	30/01/2006	C26TM1		7,2	Bảy, hai	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	02/05/2006	C26TM1				
10	2410160016	Đào Thị Ngọc	28/12/2006	C26TM1		8,0	Đảm, chẵn	
11	2410160019	Dương Hiểu	04/04/2000	C26TM1		8,0	Đảm, chẵn	
12	2410160015	Phạm Trần Thảo	16/02/2006	C26TM1		7,4	Bảy, tư	
13	2410160002	Nguyễn Gia Ái	20/02/2006	C26TM1		8,9	Đảm, chín	
14	2410160020	Đào Thị Hồng	23/08/2006	C26TM1		7,0	Bảy, chẵn	
15	2410160003	Tổng Đức	25/11/2002	C26TM1		7,4	Bảy, tư	
16	2410160001	Trần Lâm	11/11/2005	C26TM1		7,4	Bảy, tư	
17	2410160005	Trần Huỳnh	26/10/2005	C26TM1		5,6	Nam, sáu	
18	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	30/11/2006	C26TM1		7,0	Bảy, chẵn	
19	2410160023	Nguyễn Như	11/11/2006	C26TM1		7,2	Bảy, hai	
20	2410100014	Nguyễn Lê Băng	20/04/2006	C26TM1		7,4	Bảy, tư	
21	2410160007	Lâm Trung	10/07/1994	C26TM1		9,0	Chín, chẵn	
22	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	06/11/2006	C26TM1		7,7	Bảy, bảy	
23	2410160014	Trương Thảo	26/04/2006	C26TM1		6,5	Sáu, năm	
24	2410160025	Nguyễn Trần Hải	25/02/2006	C26TM1		7,4	Bảy, tư	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 01 . Số bài thi: 23 / 24 .

Ngày 29 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

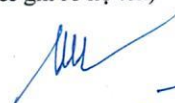
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hân

Ngày 28 tháng 5 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 25311MH110423305 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: 28/4/2026 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: A.1.12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410160021	Nguyễn Phan Mỹ Anh	19/01/2006	C26TM1		9,5	Chín, năm	
2	2410160013	Huỳnh Lê Ngọc Tâm	11/05/2006	C26TM1		8,0	Tám chẵn	
3	2410160028	Huỳnh Ngọc Khải	17/07/2006	C26TM1		8,5	Tám, năm	
4	2410160010	Phạm Thị Lệ	18/03/2006	C26TM1		6,5	Sáu, năm	
5	2410160011	Phạm Văn	17/05/2000	C26TM1		9,0	Chín chẵn	
6	2410160012	Nguyễn Minh	07/09/2006	C26TM1		6,0	Sáu chẵn	
7	2410160004	Phan Nhật	10/7/2004	C26TM1		9,0	Chín chẵn	
8	2410160022	Lê Ngọc	30/01/2006	C26TM1		9,0	Chín chẵn	
9	2410160026	Nguyễn Thị Quỳnh	02/05/2006	C26TM1				
10	2410160016	Đào Thị Ngọc	28/12/2006	C26TM1		9,5	Chín, năm	
11	2410160019	Dương Hiếu	04/04/2000	C26TM1		8,5	Tám, năm	
12	2410160015	Phạm Trần Thảo	16/02/2006	C26TM1		8,5	Tám, năm	
13	2410160002	Nguyễn Gia Ái	20/02/2006	C26TM1		9,8	Chín, tám	
14	2410160020	Đào Thị Hồng	23/08/2006	C26TM1		8,0	Tám chẵn	
15	2410160003	Tổng Đức	25/11/2002	C26TM1		9,0	Chín chẵn	
16	2410160001	Trần Lâm	11/11/2005	C26TM1		8,5	Tám, năm	
17	2410160005	Trần Huỳnh	26/10/2005	C26TM1		7,5	Bảy, năm	
18	2410160008	Huỳnh Thị Thoại	30/11/2006	C26TM1		9,5	Chín, năm	
19	2410160023	Nguyễn Như	11/11/2006	C26TM1		7,0	Bảy chẵn	
20	2410100014	Nguyễn Lê Băng	20/04/2006	C26TM1		9,5	Chín, năm	
21	2410160007	Lâm Trung	10/07/1994	C26TM1		9,0	Chín chẵn	
22	2410130007	Nguyễn Hoàng Diễm	06/11/2006	C26TM1		9,5	Chín, năm	
23	2410160014	Trương Thảo	26/04/2006	C26TM1		8,5	Tám, năm	
24	2410160025	Nguyễn Trần Hải	25/02/2006	C26TM1		7,0	Bảy chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 01 . Số bài thi: 23 / 24 .

Ngày: 5 tháng 5 năm 2026

Ngày: 04 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa.


Lê Phương Bình

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ B/

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110423305 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/4/2026 Giờ thi: 10g5 Phòng thi: A.1.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	<i>Ch</i>	7,0	Bảy chẵn	
2	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	<i>Pa</i>	9,0	Chín chẵn	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	<i>Đau</i>	7,5	Bảy phẩy năm	
4	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	<i>Ng</i>	5,0	Năm chẵn	
5	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	<i>Chk</i>	9,5	Chín phẩy năm	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	<i>Đ</i>	5,0	Năm chẵn	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	<i>Gr</i>	8,0	Bám chẵn	
8	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	<i>Tr</i>	6,0	Sáu chẵn	
9	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<i>Ke</i>	9,0	Chín chẵn	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	<i>Kh</i>	8,0	Bám chẵn	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	<i>Đ</i>	5,0	Năm chẵn	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	<i>Li</i>	7,0	Bảy chẵn	
13	2410150011	Phạm Thị Yên Nhi	22/09/2006	C26LG1	<i>Y</i>	5,0	Năm chẵn	
14	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005	C26LG1	<i>Ch</i>	5,0	Năm chẵn	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	<i>T</i>	5,0	Năm chẵn	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	<i>Th</i>	8,0	Bám chẵn	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	<i>Th</i>	6,0	Sáu chẵn	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	<i>Th</i>	6,5	Sáu phẩy năm	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	<i>Am</i>	7,5	Bảy phẩy năm	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	<i>Th</i>	9,0	Chín chẵn	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	<i>Đ</i>	6,0	Sáu chẵn	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	<i>Th</i>	5,5	Năm phẩy năm	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	<i>Th</i>	6,0	Sáu chẵn	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	<i>Vy</i>	7,5	Bảy phẩy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 06 Số bài thi: 24 / 24

Ngày: 5 tháng 5 năm 2026

p. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 04 tháng 5 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: 25311MH110423305 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: 30/5/2026 Giờ thi: 14g15 Phòng thi: PM2

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1		7,5	Bài phẩy năm	
2	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1		7,5	Bài phẩy năm	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1		8,0	Đảm chắn	
4	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1		8,0	Đảm chắn	
5	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1		7,5	Bài phẩy năm	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1		7,5	Bài phẩy năm	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1		8,0	Đảm chắn	
8	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1		8,0	Đảm chắn	
9	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1		7,0	Bài chắn	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1		7,5	Bài phẩy năm	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1		7,0	Bài chắn	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1		8,5	Đảm phẩy năm	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1		7,5	Bài phẩy năm	
14	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005	C26LG1		7,5	Bài phẩy năm	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1		8,0	Đảm chắn	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1		7,0	Bài chắn	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1		8,5	Đảm phẩy năm	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1		8,0	Đảm chắn	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1		8,5	Đảm phẩy năm	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1		7,5	Bài phẩy năm	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1		8,0	Đảm chắn	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1		7,0	Bài chắn	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1		7,0	Bài chắn	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1		7,0	Bài chắn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 00 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 01 tháng 06 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Phú Hòa

Ngày 30 tháng 05 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Phương Bình

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ BẢO